

**BÁO
CÁO
THƯỜNG
NIÊN
2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





CHƯƠNG 01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

**Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức
kinh doanh và bộ máy quản lý**

Định hướng phát triển

Các rủi ro

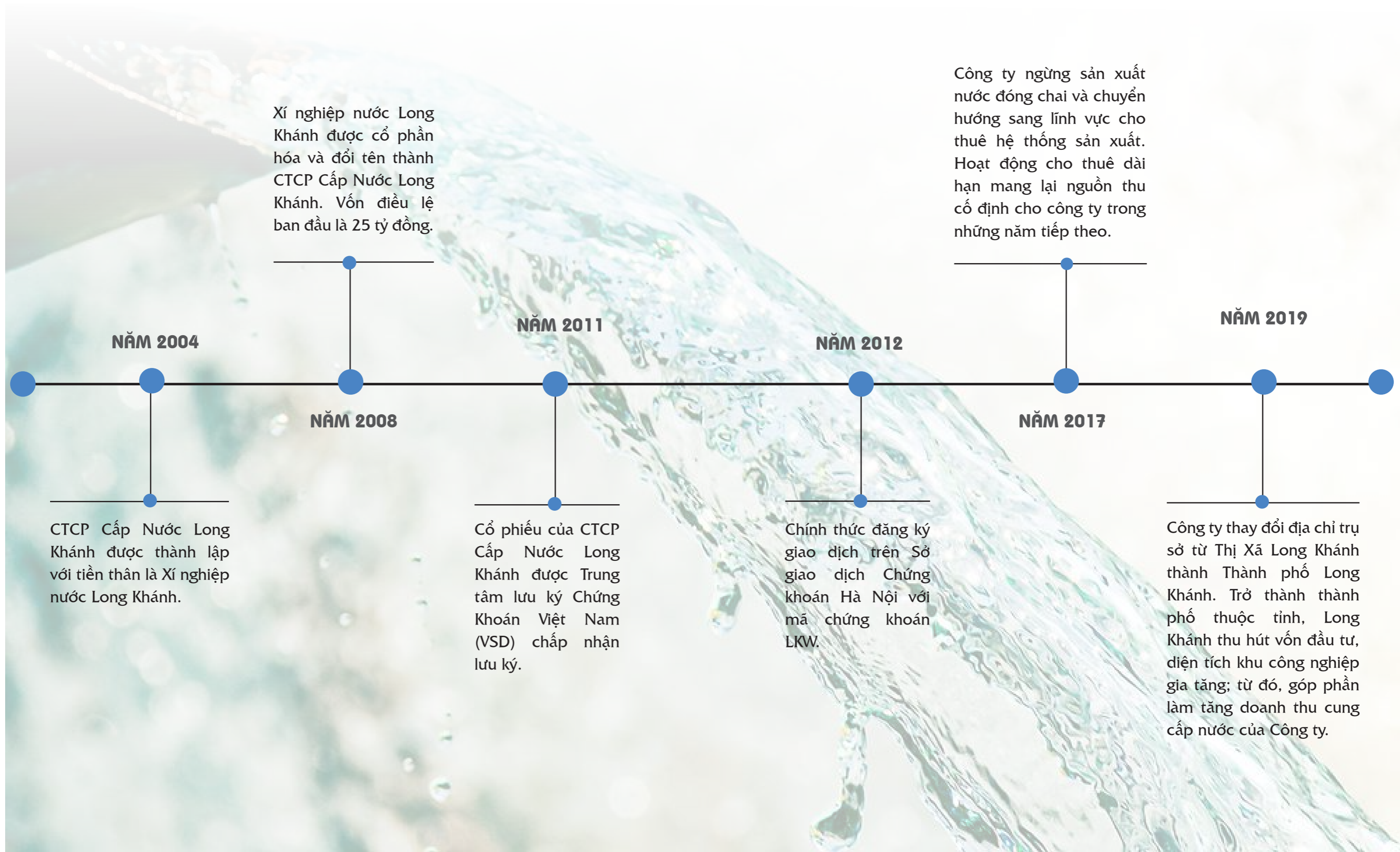


- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
- Tên Tiếng Anh: Long Khanh Water Supply Joint Stock Company
- Tên viết tắt: LKWA
- Giấy CNĐKDN: Số 3600979223 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 18/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/06/2019
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 25.000.000.000 đồng

- Địa chỉ: 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: (0251) 3877 241
- Fax: (0251) 3783 897
- Website: www.capnuoclongkhanh.com.vn
- Email: capnuoclongkhanh@yahoo.com.vn
- Mã cổ phiếu: LKW



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





Ngành nghề kinh doanh



Khai thác, lọc và phân phối nước sạch: Công ty cổ phần Cấp Nước Long Khánh hoạt động trong lĩnh vực khai thác, lọc nước và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp. Đây là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của công ty;



Thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước: Công ty cung cấp các dịch vụ thi công xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước; lắp đặt hệ thống ống cấp thoát nước; theo dõi giám sát, thi công công trình cấp thoát nước đối với khu dân cư, khu chế xuất và khu công nghiệp trên địa bàn;

Ngoài ra, Công ty cũng hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực như:

- Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng đường ống thoát nước, trạm bơm, lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xử lý nước thải;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; nước tinh khiết đóng chai;
- Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.

Địa bàn kinh doanh

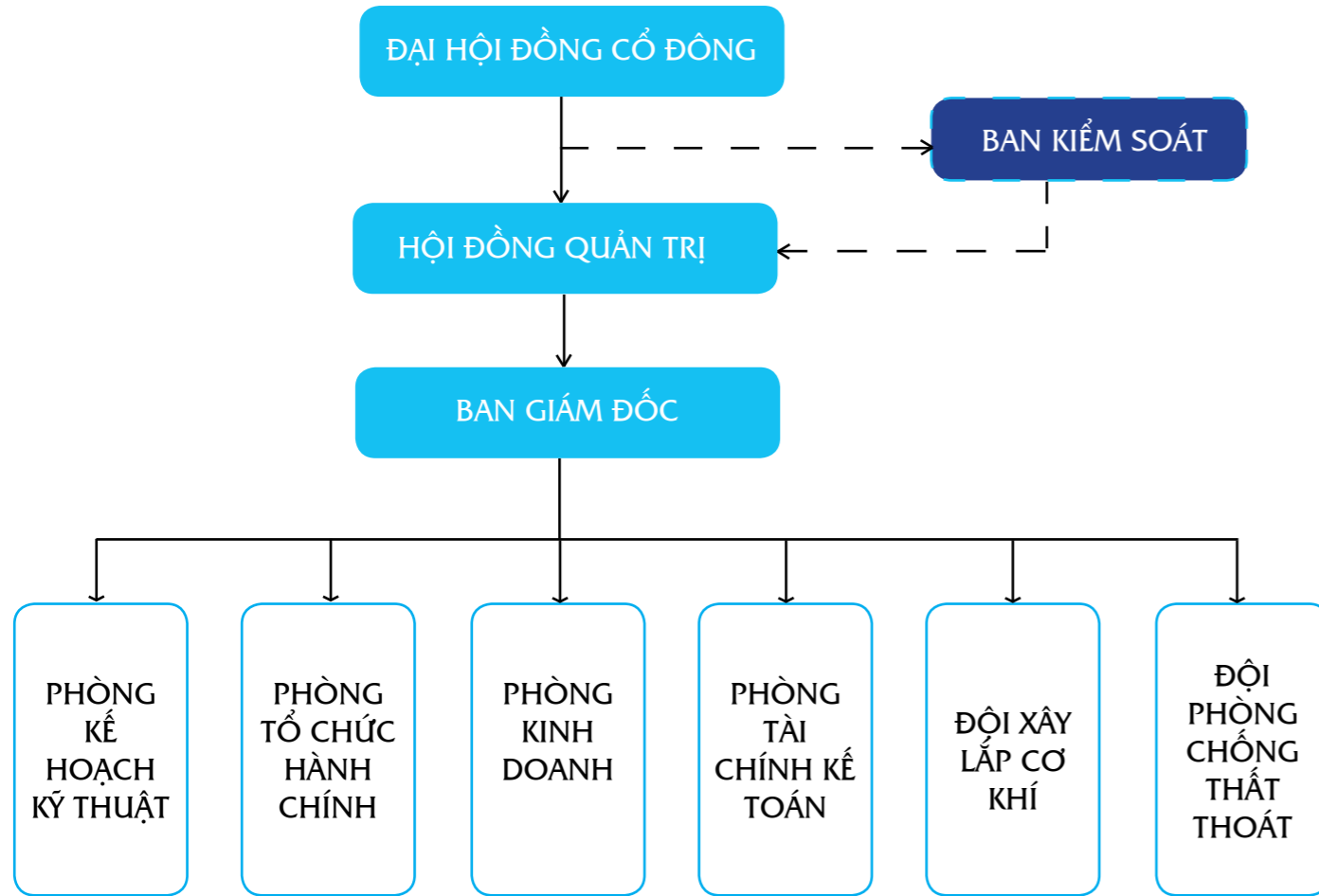


Công ty hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch và xây dựng lắp đặt đường ống cấp nước chủ yếu trên địa bàn Thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu quản lý



Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh không có công ty con, công ty liên kết.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu, chiến lược cốt lõi

A

Kiểm soát nguồn nước

Hoạt động của công ty đặc thù về ngành cung cấp nước, một trong những yếu tố cần thiết hàng đầu trong cuộc sống. Vì vậy việc đảm bảo cung cấp đủ nước sạch diễn ra liên tục cho sản xuất và sinh hoạt của các doanh nghiệp, tổ chức và khu dân cư luôn được đặt ra hàng đầu.

B

Nâng cao chất lượng nước

Liên tục nâng cao chất lượng thông qua nâng cấp, sửa chữa, bảo trì và thay thế đường ống nước cũ, quá niên hạn sử dụng. Qua đó giảm thiểu hiện tượng thất thoát nước, cải thiện chất lượng nước sạch đến tay người dân.

C

Đội ngũ nhân sự

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên về kỹ thuật chuyên môn và kỹ năng mềm trong phục vụ khách hàng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công tác xử lý nước, lắp đặt hệ thống ống nước, dò tìm ống nước vỡ và quản lý kinh doanh nhằm tối ưu hóa hiệu quả công việc.

Mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Môi trường: Phát triển bền vững, thân thiện với môi trường là định hướng và mục tiêu của công ty. Cùng với việc thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất, Công ty luôn ý thức cao về việc khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm thiên nhiên một cách hiệu quả, tránh lãng phí.

Xã hội, cộng đồng: Công ty luôn nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ cung cấp đủ lượng nước với chất lượng tốt nhất cho sản xuất, sinh hoạt của người dân. Bên cạnh đó, công ty cũng rất quan tâm đến đời sống của người dân, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện, quyên góp hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn thông qua các chương trình ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ học giỏi sống tốt, Quỹ vì người nghèo, Quỹ Bảo trợ ngành xây dựng, Chương trình Tiếp bước cho em đến trường.



Rủi ro giá cả

Đặc thù ngành cung cấp nước là ngành dịch vụ công ích và thuộc sự kiểm soát giá của Nhà nước. Do đó giá bán nước sạch do UBND tỉnh Đồng Nai quyết định, công ty không được chủ động điều chỉnh khi có bất cứ sự biến động nào. Vì vậy, khi các chi phí sản xuất và quản lý gia tăng, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng ít nhiều.

Để phòng tránh rủi ro có thể ảnh hưởng đến mục tiêu lợi nhuận, công ty thực hiện kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước, chi phí nguyên vật liệu sản xuất, chi phí quản lý, chi phí đầu tư... giúp giảm chi phí, tăng lợi nhuận. Đồng thời công ty cũng đa dạng hóa hoạt động kinh doanh như xây dựng công trình thủy lợi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước,...



Rủi ro luật pháp

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp lý liên quan. Ngoài ra, với đặc thù của công ty hoạt động trong ngành cấp nước, Công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 20/2014/QĐ – UBND ban hành ngày 23/05/2014 về giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng nguồn nước. Tuy nhiên, do hệ thống pháp luật Việt Nam và cơ chế quản lý đang trong quá trình hoàn thiện nên các rủi ro về mặt pháp lý vẫn luôn hiện hữu và đòi hỏi công ty phải luôn chủ động trong công tác nghiên cứu, cập nhật nhanh chóng các quy định pháp lý để vận dụng phù hợp, hạn chế những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty

Rủi ro thất thoát nước

Thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu, rất khó khăn trong việc kiểm soát nước rò rỉ. Nguyên nhân gây thất thoát chủ yếu do hệ thống đường ống cấp nước quá cũ, mạng lưới đường ống phân phối trải rộng khi bị rò rỉ khó phát hiện. Tỷ lệ thất thoát nước cao còn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty cũng như lãng phí tài nguyên nước.

Tính đến ngày 31/12/2019, tỷ lệ thất thoát nước của Công ty là 16,5%, thấp hơn mục tiêu bình quân cả nước đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ theo quyết định số 2147/QĐ-TTg là 18%. Tiếp tục thành tựu trong công tác phòng chống thất thoát nước, Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh luôn chủ động tham gia các chương trình quốc gia về bảo vệ nguồn nước, kiểm tra đường ống nước ngầm định kỳ, duy trì kiểm tra, đo đồng hồ khách hàng và thay thế những đồng hồ chạy không chính xác hoặc đồng hồ cũ trên 10 năm. Đội chống thất thoát (có sự giám sát của ban điều hành) thông qua các kênh Zalo, Messenger, Điện thoại, để lấy thông tin đường ống rò rỉ, bể, hư hỏng phụ tùng từ cán bộ công nhân viên, khách hàng tiêu thụ... để xử lý kịp thời bất kỳ thời gian nào trong ngày.

Rủi ro nguyên vật liệu sản xuất đầu vào

Trái đất đang dần nóng lên, hạn hán gia tăng, nước sạch ngày càng trở thành nguồn tài nguyên khan hiếm. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa nhanh, việc lạm dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật... đã làm ô nhiễm nguồn nước ngầm – nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty. Trước tình trạng trên công ty sẽ dần bị thiếu hụt nguồn nước. Nguồn nước cung cấp sẽ không được đảm bảo đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế theo QCVN 02:2009/BYT và Thông tư số 04/2009/TT-BYT. Vì vậy, để đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, Công ty chủ động tìm kiếm nguồn cung nước đạt tiêu chuẩn và kiểm duyệt lại trước khi xử lý, đồng thời nâng cao hệ thống xử lý nước nhằm tạo ra nước thành phẩm đảm bảo sức khỏe cho người dùng.

Rủi ro khác

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng chịu các rủi ro liên quan đến biến động tình hình chính trị, xã hội, bệnh dịch, thiên tai... làm ảnh hưởng đến mức độ ổn định, an toàn trong sản xuất và nhu cầu của doanh nghiệp. Các rủi ro này có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, công ty cũng chú trọng đề phòng xây dựng các giải pháp ứng phó đối với các rủi ro bất khả kháng khác nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại về người, tài sản của công ty.



CHƯƠNG 02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Các khoản đầu tư

Tình hình tài chính

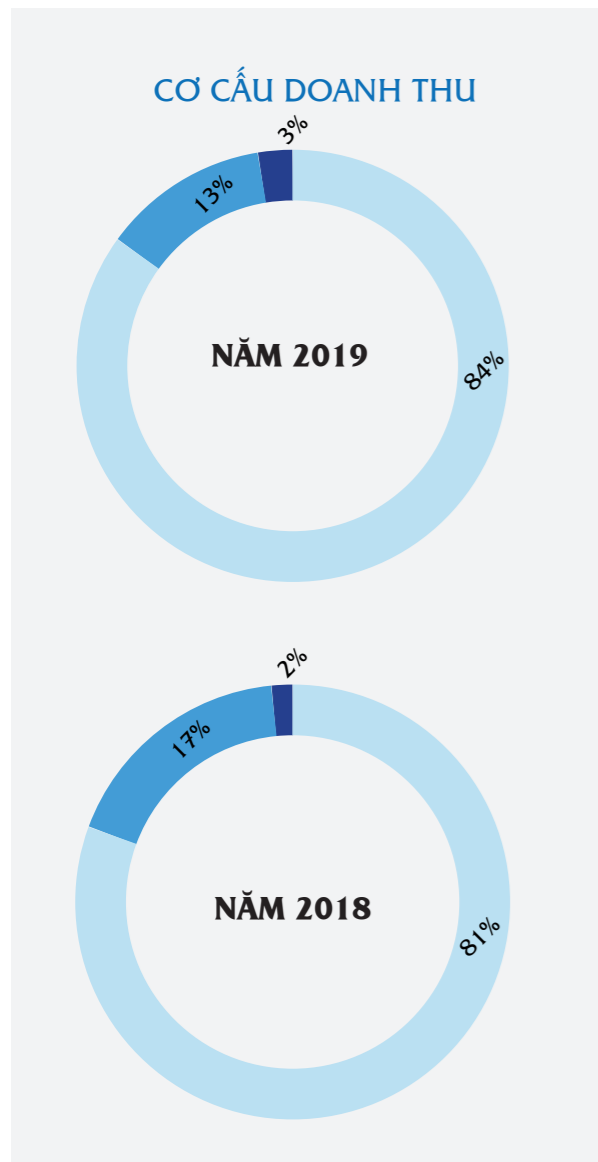
**Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của
chủ sở hữu**

Báo cáo phát triển bền vững



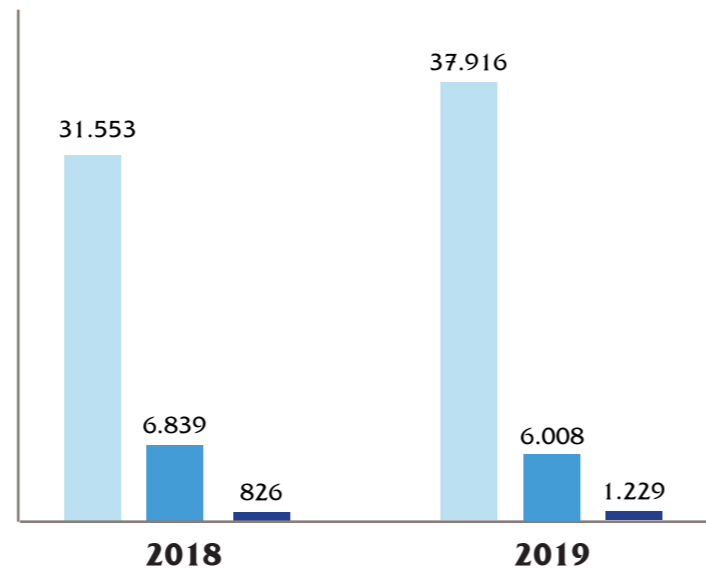
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH 2019/ KH 2019	TH 2019/ TH 2018
Sản lượng nước sản xuất	1000 m3	4.469,9	4.604	5.214,02	113,25	116,65
Sản lượng ghi thu	1000 m3	3.700,3	3.844,3	4.353,72	113,25	117,66
Tỷ lệ thất thoát nước	%	17,22	16,5	16,5	0	Giảm 0,72
Tổng doanh thu	Tr.đồng	39.218,5	38.226,9	45.153,1	118,12	115,13
Tổng chi phí	Tr.đồng	30.489	29.226,9	33.393,3	114,26	109,53
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	8.729,5	9.000	11.759,8	130,66	134,71
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.950,6	7.200	10.386,6	144,26	149,43



DOANH THU TỪNG HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: triệu đồng



- Doanh thu từ cung cấp nước sạch
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ lắp đặt
- Doanh thu từ nguồn khác

Hoạt động sản xuất nước

Doanh thu từ cung cấp nước sạch năm 2019 đạt 37.916 triệu đồng, tương đương tăng 20,2% so với cùng kỳ và vượt 16% kế hoạch đề ra. Tỷ lệ thất thoát nước giảm từ 17,22% xuống còn 16,5%.

Để đạt được tỷ lệ thất thoát nước như trên, Công ty đã phân vùng tách mạng đánh giá tỉ lệ thất thoát và thực hiện dò tìm, sửa chữa, cải tạo, thay thế ống bể và đồng hồ khách hàng không chính xác tại các khu vực trên địa bàn tỉnh Long Khánh, Đồng Nai. Đồng thời, Công ty chủ động cải tạo thay thế tuyến ống STK cũ sang HDPE, thực hiện các công tác điều áp nhằm phục vụ đầy đủ việc cung cấp nước trong các ngày Lễ và cao điểm mùa khô.

Hàng tháng, Công ty tiến hành lấy mẫu, kiểm tra chất lượng nước cung cấp cho người dân nhằm đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế theo QCVN 02:2009/BYT và Thông tư số 04/2009/TT-BYT. Cụ thể, Công ty đã lấy 172 mẫu lý hóa và 172 mẫu vi sinh và toàn bộ mẫu kiểm tra đều đạt 100% tiêu chuẩn.

Hoạt động thi công xây lắp

Hoạt động xây lắp trong năm 2019 giảm 12,2% so với năm 2018 nhưng vượt 20,2% so với kế hoạch đề ra. Trong năm, Công ty đã thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng một số dự án sau:

- Chuyển đổi hệ thống đồng hồ nước cho các hộ dân đường Đồng Khởi, đường Phạm Văn Thuận;
- Lắp đặt tuyến ống cấp nước cho 206 Hộ tại khu vực Tp. Biên Hòa;
- Công trình: tuyến ống cấp nước đường N9, D2 Khu công nghiệp Long Khánh (giai đoạn 1);

- Lắp đặt 08 đồng hồ D50, 02 đồng hồ D25 và 01 đồng hồ D100 tại Khu công nghiệp Long Khánh và 01 đồng hồ D25 tại Khu công nghiệp Suối Tre;
- Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D110 với tổng chiều dài 5.495 mét tại Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Hoạt động khác

Ngoài 2 hoạt động chính là cung cấp nước và thi công xây lắp, Công ty còn cho thuê dài hạn toàn bộ hệ thống sản xuất nước uống đóng chai và vẫn giữ nhãn hiệu Tirsty. Đây là nguồn doanh thu ổn định và ít biến động. Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này cũng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty.



Danh sách hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Quang Minh	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Huỳnh Trường An	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Đào Quý Tính	Thành viên Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN ANH TUẤN – Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh: 05/05/1967
- Quê quán: Thanh Hóa
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Kỹ sư Cấp nước; Cử nhân Luật
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:
 - Đại diện nắm giữ: 450.000 cổ phiếu (đại diện CTCP Cấp Nước Đồng Nai) - chiếm 18% VDL
 - Sở hữu cá nhân: 6.636 cổ phiếu - chiếm 0,265% VDL

Ông NGUYỄN QUANG MINH – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Ngày sinh: 18/04/1980
- Quê quán: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:
 - Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai: 350.000 cổ phiếu - chiếm 14% VDL
 - Sở hữu cá nhân: 2.236 cổ phiếu - chiếm 0,089% VDL

Ông NGUYỄN VĂN HÒA – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Ngày sinh: 22/03/1968
- Quê quán: Quảng Trị
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:
 - Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai: 225.000 cổ phiếu - chiếm 9% VDL
 - Đại diện sở hữu cho Công đoàn: 25.000 cổ phiếu - chiếm 1% VDL
 - Sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phiếu - chiếm 0,264% VDL



Danh sách hội đồng quản trị

Ông HUỖNH TRƯỜNG AN – Thành viên HĐQT

- Ngày sinh: 17/04/1982
- Quê quán: Bình Định
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VĐL

Ông ĐÀO QUÝ TÍNH – Thành viên HĐQT

- Ngày sinh: 22/03/1968
- Quê quán: Quảng Trị
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:
 - Sở hữu cá nhân: 130.000 cổ phiếu - chiếm 5,2% VĐL

Danh sách ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Quang Minh	Giám đốc
2	Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc
4	Lê Văn Anh	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Quang Minh và Ông Nguyễn Văn Hòa vui lòng xem tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN VĂN VĨNH – Phó Giám đốc

- Ngày sinh: 12/12/1971
- Quê quán: Bắc Thái
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:
 - Sở hữu cá nhân: 5.600 cổ phiếu - chiếm 0,224% VĐL

Ông LÊ VĂN ANH – Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 01/01/1962
- Quê quán: Quảng Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:
 - Sở hữu cá nhân: 2.381 cổ phiếu - chiếm 0,095% VĐL



Danh sách ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban
2	Nguyễn Quang Minh	Thành viên
3	Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên

Bà NGUYỄN THỊ HỒNG CHÂU - Trưởng ban kiểm soát

- Năm sinh: 05/05/1984
- Quê quán: Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:
 - Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai: 200.000 cổ phiếu - chiếm 8% VDL

Bà ĐOÀN THỊ VI VÂN - Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 27/02/1983
- Quê quán: Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:
 - Sở hữu cá nhân: 400 cổ phiếu - chiếm 0,016% VDL

Ông NGUYỄN QUANG MINH - Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 13/03/1992
- Quê quán: Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện:
 - Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai: 50.000 cổ phiếu - chiếm 2% VDL



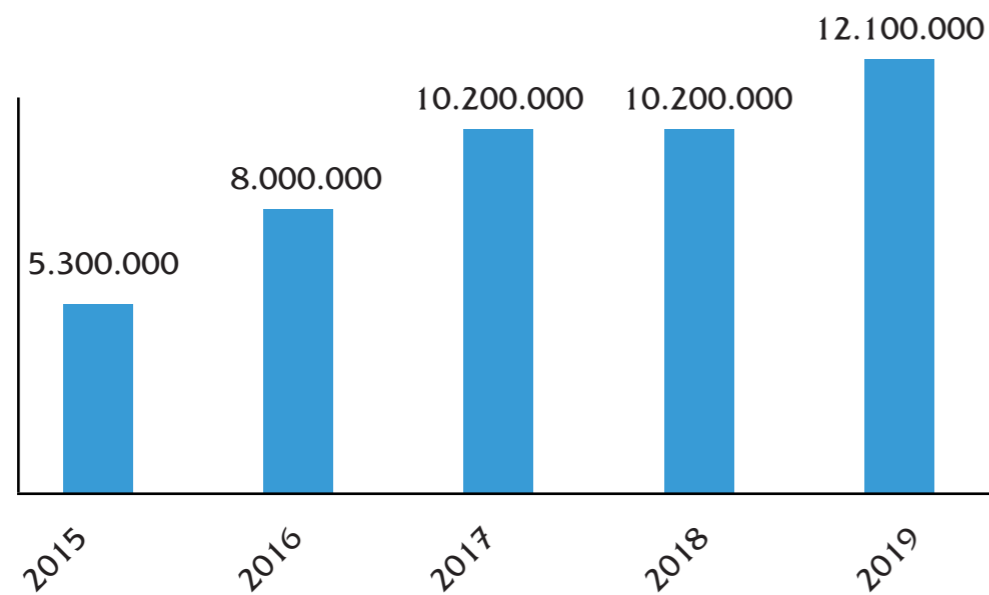
Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2019, tổng số lao động là 66 người, cụ thể như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	66	100%
1	Đại học	32	48,49%
2	Cao đẳng	3	4,54%
3	Khác	31	46,97%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	66	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	5	7,57%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	61	92,43%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,00%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Đơn vị tính: đồng/tháng/người





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Chính sách đối với người lao động

Để nâng cao chất lượng làm việc, cũng như tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo mọi điều kiện để người lao động được hưởng một cách đầy đủ nhất các chế độ chính sách của nhà nước.

Công ty thực hiện chính sách tiền lương căn cứ vào bảng lương do Nhà nước quy định, luôn đảm bảo bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định của Chính phủ. Việc trả lương, thưởng thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo đơn giá, mức độ hoàn thành công việc của mỗi cá nhân.

Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước. Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình cụ thể trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty sẽ có chế độ lương, thưởng phù hợp để khích lệ, thúc đẩy năng suất làm việc. Ngoài ra, công ty cũng có những chính sách trợ cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ, công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, cưới hỏi,...

Công tác đào tạo

Nền kinh tế thị trường ngày càng khốc liệt đòi hỏi các công ty không chỉ cạnh tranh về sản phẩm, quảng bá,... mà còn cả về trình độ của nhân công. Công ty muốn vững mạnh thì mỗi cá nhân đều phải vững chuyên môn. Người lao động là yếu tố đóng góp rất lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh thực hiện mục tiêu hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Để nâng cao năng lực của mỗi cá nhân, công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham gia vào các lớp đào tạo chuyên môn, các lớp ngắn hạn về quản lý, về chính sách thuế, triển khai văn bản nghị định,... để kịp thời cập nhật những thay đổi cũng như nâng cao nghiệp vụ, hiệu quả trong công việc.



Công tác an toàn lao động

An toàn lao động đóng một vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng không những đối với người lao động, doanh nghiệp nói riêng mà còn ảnh hưởng đến yếu tố kinh tế và xã hội. Bảo đảm an toàn lao động sẽ giúp doanh nghiệp giảm được các thiệt hại do tai nạn gây ra. Không chỉ vậy, khi thực hiện tốt công tác an toàn lao động, doanh nghiệp sẽ tạo được niềm tin và uy tín thương hiệu đối với người lao động và cộng đồng xã hội. Vì vậy, Công ty liên tục kiểm tra các thiết bị, đường dây điện tại các trạm bơm và văn phòng làm việc; trang bị đầy đủ nón bảo hộ, dụng cụ PCCC và lập các rào chắn, bảng hiệu khi thi công để đảm bảo an toàn cho công nhân cũng như cho người dân quanh vùng. Thành lập ban an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên kiểm tra, vận động công nhân viên chấp hành tốt các quy định về toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

Công tác bảo hộ lao động

Tai nạn lao động là một trong những vấn đề được mọi người quan tâm. Các vụ tai nạn để lại hậu quả, tổn thương nặng nề về cả kinh tế lẫn con người. Với đặc thù ngành cấp nước, vấn đề an toàn lao động luôn phải được chú trọng và là ưu tiên hàng đầu, Công ty đã trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động đầu năm 2019 cho công nhân sản xuất tại đơn vị, thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn để hướng dẫn sử dụng và tuyên truyền tầm quan trọng của việc mặc đồ bảo hộ.





Các công trình đã hoàn thành trong năm 2019

STT	Tên công trình
I Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản	
1	Thổi rửa các giếng khoan số: GK-03, GK-06, GK-08, GK-09, GK-10 và GK Xuân Bình tại TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.
2	Lắp đặt hệ thống biến tần điện trạm bơm Số 04, Số 10, trạm bơm Khu 9 Cẩm Tân và trạm bơm số 02 KCN Suối Tre.
3	Thi công di dời và xây mới nhà trạm bơm số 01 KCN Long Khánh.
4	Lắp đặt bơm đẩy cho bể chứa nước 500 m ³ tại Trạm bơm Giếng 11 phường Phú Bình. Phát triển và cải tạo mới các tuyến ống tại khu vực TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai với tổng chiều dài như sau:
5	+ Tuyến ống cấp nước HDPE D63 với tổng chiều dài: 2.057 mét; + Tuyến ống cấp nước HDPE D75 với tổng chiều dài: 1.904 mét; + Tuyến ống cấp nước HDPE D110 với tổng chiều dài: 1.558 mét.
II Hoạt động thi công xây lắp	
1	Chuyển đổi hệ thống đồng hồ nước cho các hộ dân đường Đồng Khởi, đường Phạm Văn Thuận, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
2	Lắp đặt tuyến ống cấp nước cho 206 hộ dân tại khu vực TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
3	Tuyến ống cấp nước đường N9, D2 Khu công nghiệp Long Khánh (giai đoạn 1).
4	Lắp đặt 08 đồng hồ D50, 02 đồng hồ D25 và 01 đồng hồ D100 tại Khu công nghiệp Long Khánh và 01 đồng hồ D25 tại KCN Suối Tre.
5	Công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D110 tại Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai với tổng chiều dài 5.495 mét.

Các công trình kế hoạch năm 2020

STT	Tên công trình
1	Đầu tư cải tạo thay thế các tuyến ống cũ đã sử dụng lâu năm TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.
2	Phát triển mới tuyến ống cấp nước đường Hoàng Văn Thụ, đường Châu Văn Liêm, đường Ngô Gia Tự, đường Hà Huy Giáp, đường Lý Tự Trọng, đường Ngô Quyền phường Xuân Thanh, đường Hàm Nghi đến UBND xã Bảo Quang.
3	Đầu tư hệ thống biến tần điện cho các trạm bơm thay thế dần các hệ thống tủ điện điều khiển cũ.
4	Hoàn thành đưa vào sử dụng công trình Giếng khoan tại khu dân cư Khu phố Núi Tung, phường Suối Tre với lưu lượng 800 m ³ /ngày đêm.



Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	Tăng/giảm so với 2018 (%)
Tổng tài sản	Tr.đồng	47.570,6	54.868,8	15,34
Doanh thu thuần	Tr.đồng	38.687,1	44.247,9	14,37
Lợi nhuận HĐKD	Tr.đồng	8.669,3	11.734,1	35,35
Lợi nhuận khác	Tr.đồng	60,2	25,6	-57,43
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	8.729,5	11.759,8	34,71
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.950,6	10.386,7	49,44
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	2.363	3.378	42,95
Tỷ lệ chia cổ tức	%	15	15	0,00

Doanh thu thuần

Với hoạt động kinh doanh chính là cung cấp nước, Công ty đã tiến hành cải tạo, thay thế các tuyến ống nước cũ, lắp đặt van điều áp nhằm cung cấp đủ nước sinh hoạt và sản xuất cho người dùng. Đồng thời, Công ty đã mở rộng thêm các khách hàng tại khu công nghiệp Long Khánh và khu công nghiệp Suối Tre. Nhờ các công tác trên, doanh thu từ mảng cung cấp nước năm 2019 đạt 37,9 tỷ đồng, tăng 20,2% so với cùng kỳ, dẫn đến doanh thu thuần đạt 44,2 tỷ đồng, tăng 14,37% so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 10,4 tỷ đồng, tăng 49,44% so với năm 2018. Bên cạnh công tác chống thất thoát nước, Công ty triển khai các chính sách quản lý chi phí hiệu quả nhằm kiểm soát tốt các công tác ghi thu và thu tiền nước làm giảm chi phí phát sinh và tăng lợi nhuận.

Các chỉ tiêu tài chính

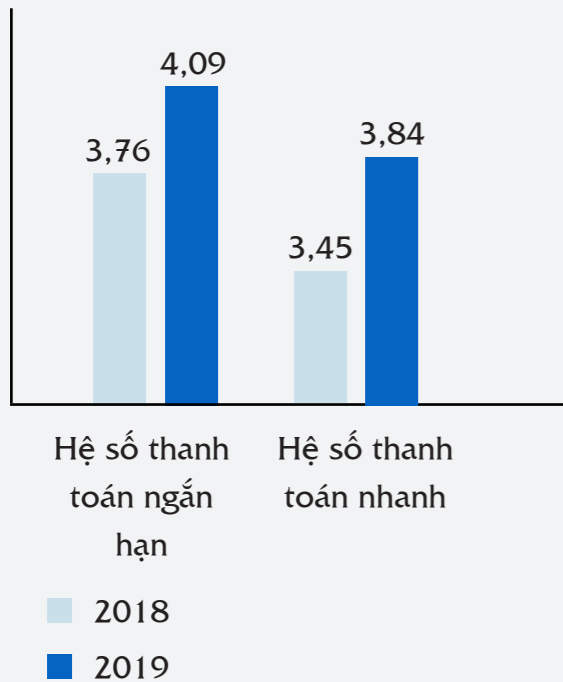
Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,76	4,09
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,45	3,84
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	9,37	11,45
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	10,33	12,92
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,39	14,65
Vòng quay tài sản	Vòng	0,80	0,86
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	17,97	23,47
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16,55	22,65
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	14,29	20,28
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	22,41	26,52





KHẢ NĂNG THANH TOÁN

ĐVT: lần

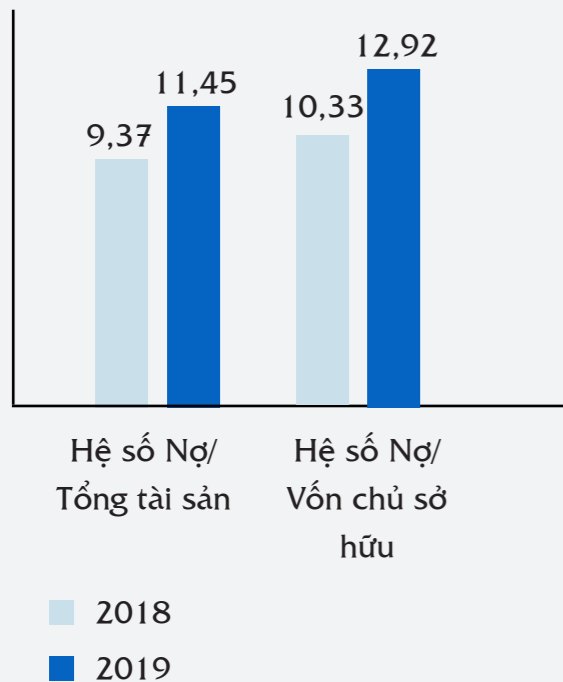


Về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2019 lần lượt là 4,09 lần và 3,84 lần, tương đương tăng 8,8% và 11,3% so với năm trước. Với đặc thù của ngành cấp nước là thu tiền mặt hoặc chuyển khoản định kỳ hàng tháng nên hơn 85% tài sản ngắn hạn của Công ty đến từ khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và tiền. Bên cạnh đó, Công ty không có nợ vay ngân hàng, cơ cấu nợ chủ yếu là chi phí lao động, chiếm 53,9%. Do đó, Công ty tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng vốn tự có.

CƠ CẤU VỐN

ĐVT: %

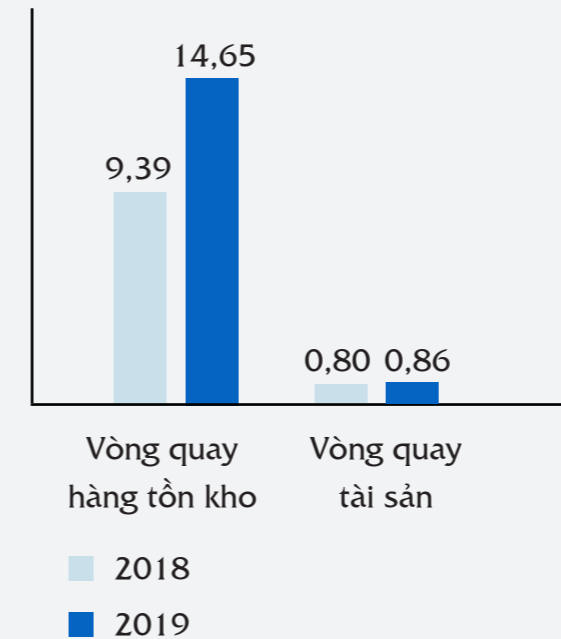


Về cơ cấu vốn

Năm 2019, hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng lần lượt là 22,2% và 25,1% so với năm 2018. Nguyên nhân chính là do nợ phải trả tăng. Cơ cấu nợ phải trả tăng chủ yếu là khoản phải trả người lao động. Tính đến tháng 12/2019, phải trả người lao động tăng 61,5% so với cùng kỳ do Công ty tính tăng thêm tiền lương thực hiện đồng thời phân bổ cho người lao động, cán bộ quản lý vượt năng suất lao động và lợi nhuận khi đạt được các kế hoạch đề ra.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

ĐVT: Vòng

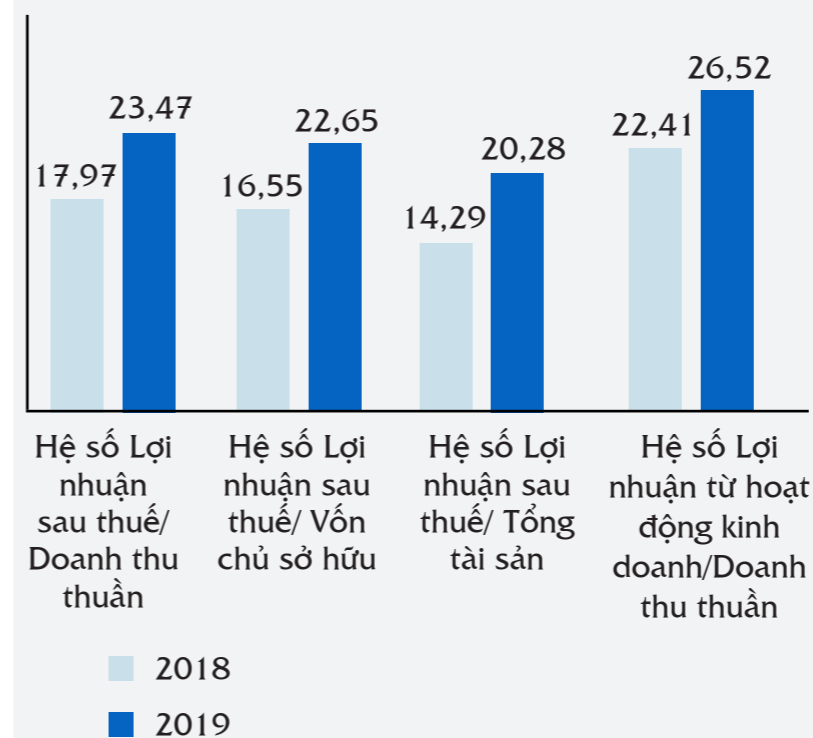


Về năng lực hoạt động

Hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước, Công ty nỗ lực phục vụ và cung cấp đầy đủ nước cho người và khu công nghiệp trong địa bàn TP. Long Khánh, đặc biệt là trong thời điểm Lễ, Tết và cao điểm mùa khô. Cụ thể, Công ty đã sản xuất hơn 5,2 triệu m³ nước trong năm 2019, tăng 16,65% so với năm ngoái. Bên cạnh đó, Công ty còn mở rộng thêm mạng lưới khách hàng, làm giá vốn hàng bán và doanh thu thuần tăng. Từ đó, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản tăng.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

ĐVT: %



Về năng lực hoạt động

Một số công trình, dự án của Công ty đầu tư, thi công đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng góp phần làm tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Cụ thể, Công ty đã đầu tư thi công tuyến ống HDPE D110 đầu nối từ trạm bơm số 01 khu công nghiệp Suối Tre đến tuyến ống hiện hữu Khu tái định cư xã Bảo Vinh; tuyến ống cấp nước đường N9, D2 khu công nghiệp Long Khánh (giai đoạn 1); thi công di dời và xây mới nhà trạm bơm số 01 khu công nghiệp Long Khánh... Kết quả là các chỉ số về khả năng sinh lời tăng.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

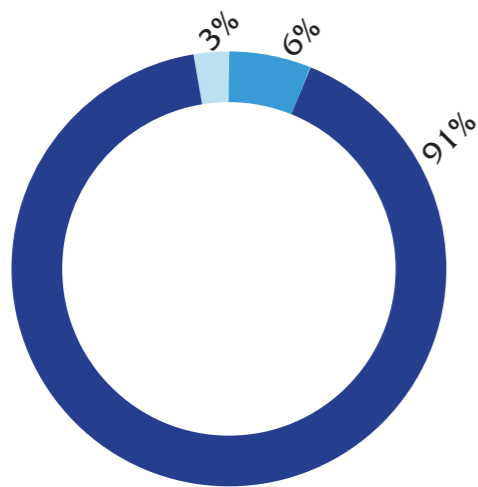
Cổ phần

- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 2.500.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.500.000 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	-	-
II	Cổ đông nội bộ	153.853	6,15
II	Cổ đông trong nước	2.281.747	91,27
1	Cá nhân	727.047	29,08
2	Tổ chức	1.554.700	62,19
III	Cổ đông nước ngoài	64.400	2,58
1	Cá nhân	-	0,00
2	Tổ chức	64.400	2,58
	Tổng cộng	2.500.000	100

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



- Cổ đông nước ngoài
- Cổ đông nội bộ
- Cổ đông trong nước

Danh sách cổ đông lớn

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	1.275.000	51%
2	Nguyễn Thị Hoàng Diệp	147.000	5,88%
3	Đào Quý Tính	130.000	5,2%
	Tổng cộng	1.552.000	62,08%





BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Quản lý hoạt động chống thất thoát nước

Công tác chống thất thoát nước là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu và được duy trì thường xuyên. Bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh hiểu rằng nước là nguồn tài nguyên quan trọng, thiết yếu trong đời sống con người và cần được bảo vệ, sử dụng tiết kiệm. Trong năm 2019, bộ phận chống thất thoát nước phối hợp với bộ phận kỹ thuật tiến hành tiếp nhận, dò tìm và sửa chữa các trường hợp ống bị hỏng, rò rỉ nước và thay thế lắp đặt mới. Cụ thể, Công ty đã triển khai công tác chống thất thoát nước tại các khu vực: phường Xuân An từ đường Trần Phú đến đường Lý Thường Kiệt, Khu Tái Định Cư phường Bảo Vinh; khu vực Hẻm 1 & 2 Xuân Tân. Bên cạnh đó, nhằm cung cấp nước đầy đủ trong dịp Lễ, Tết và cao điểm mùa khô, Công ty đã cải tạo và mở rộng một số tuyến cấp nước mới trong khu vực nội TP. Long Khánh.

Quản lý chất lượng nước cung cấp

Nước đóng vai trò là nguồn nguyên liệu đầu vào đồng thời là sản phẩm đầu ra của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh. Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước sạch. Ngoài rác thải sinh hoạt, các tình trạng chất thải công nghiệp chưa qua xử lý, tràn dầu,... diễn ra liên tục và với mức độ ngày càng nhiều. Do đó, để đảm bảo sức khỏe cho người dùng, Công ty luôn quan tâm đến chất lượng nước đầu vào và chất lượng nước sản xuất ra. Cụ thể, Công ty không ngừng tìm kiếm các nguồn nước đầu vào đạt tiêu chuẩn và kiểm duyệt lại chất lượng nguồn nước này trước khi đưa vào xử lý. Bên cạnh đó, chất lượng nước thành phẩm của Công ty được kiểm tra hàng tháng và đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế (QCVN 02:2009/BYT và Thông tư số 04/2009/TT-BYT).

Quản lý tiêu thụ năng lượng

Tình hình sử dụng nhiên liệu trong năm 2019 của Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh như sau:

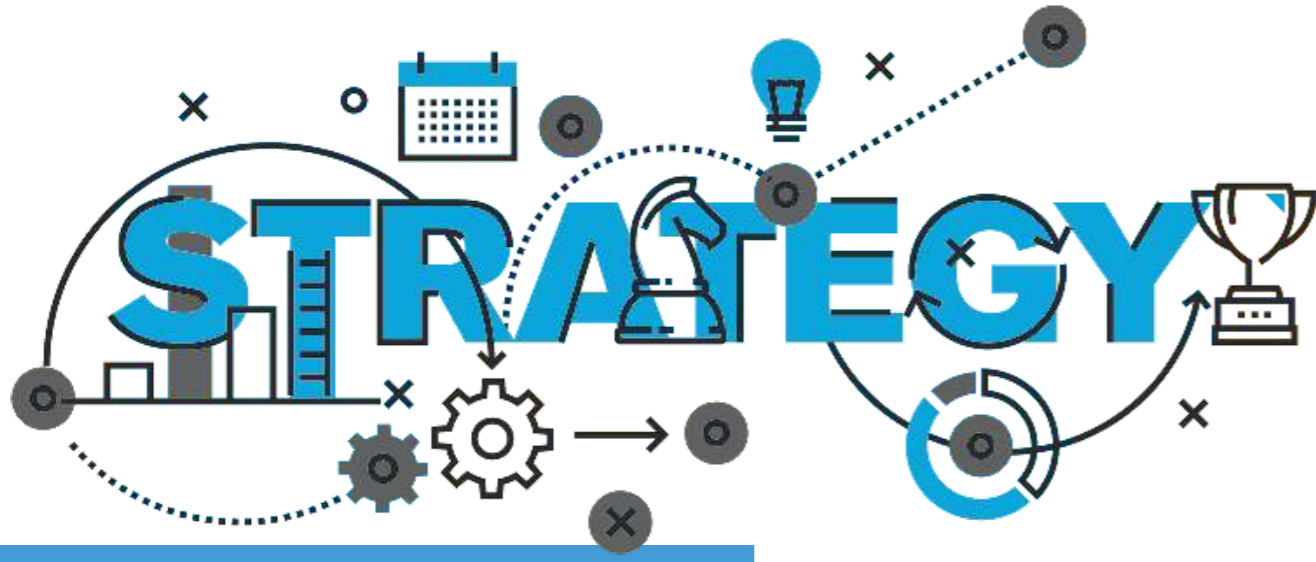
Chỉ tiêu	Đvt	KH 2019	TH 2018	TH 2019	Tỷ lệ % so KH	Tỷ lệ % so cùng kỳ
Xe dầu	Lít	1.664	1.513	1.849	111,10	122,21
Xe xăng	Lít	3.893	3.539	4.381	112,54	123,79
Dầu chạy máy phát điện	Lít	200	116	-	-	-
Điện năng tiêu thụ	Kw	1.913.814	1.494.423	1.800.868	94,10	120,51
Javel 5%	Kg	49.302	14.610	22.080	44,79	151,13
NaOH 32%	Kg	61.403	13.960	14.300	23,29	102,44
Javel 5%	Kg	49.302	14.610	22.080	44,79	151,13
NaOH 32%	Kg	61.403	13.960	14.300	23,29	102,44

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa càng nhanh, mức độ ô nhiễm môi trường càng nghiêm trọng do các hệ thống xử lý rác thải, chất thải, công tác quản lý bảo vệ môi trường chưa hoàn thiện và chặt chẽ.

Hoạt động chính của công ty là dịch vụ cung cấp nước sạch cho người tiêu dùng, nên Công ty luôn ý thức được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm ở khu vực sản xuất và các khu vực xung quanh. Đảm bảo nhu cầu nước sạch và đời sống người dân không bị ảnh hưởng.





Chính sách liên quan đến người lao động

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành một bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn chú trọng, quan tâm đến người lao động thực hiện nghiêm túc các chính sách cho người lao động như sau:

- Đăng ký mua bảo hiểm xã hội theo đúng quy định pháp luật người lao động;
- Chính sách lương tăng theo mức lương tối thiểu vùng và luôn đảm bảo chi trả lương đúng hạn cho người lao động;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho cán bộ công nhân viên;

- Thường xuyên cho cán bộ công nhân viên học các lớp chuyên môn nghiệp vụ, các lớp ngắn hạn về quản lý, về chính sách thuế, triển khai văn bản nghị định ...
- Ngoài ra, Công ty còn có chính sách thưởng dựa trên mức độ hoàn thành công việc của mỗi cá nhân và chính sách trợ cấp khó khăn, thăm hỏi thân nhân ốm đau....

Trách nhiệm liên quan đến cộng đồng địa phương

Trong năm 2019, Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng như:

- Tổ chức cho cán bộ công nhân viên viếng nghĩa trang liệt sĩ thăm hỏi và tặng quà cho 01 mẹ Liệt Sĩ công ty nhận phụng dưỡng nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và các ngày lễ lớn trong năm 2019.
- Triển khai thực hiện tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam và mừng xuân Kỷ Hợi năm 2019, ngày 30/4 & 1/5; ngày Quốc Khánh 2/9 ...
- Tổ chức và triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2019 trong CNVLĐ; hướng dẫn Hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ, Tháng hành động vì trẻ em, Ngày Gia đình Việt Nam và các ngày kỷ niệm về Dân số năm 2019; “Tháng công nhân” năm 2019; hướng dẫn tổ chức tuyên dương con CNLĐ “Học giỏi-Sống tốt” năm 2019;
- Tham gia hoạt động hưởng ứng “giờ trái đất năm 2019” tại thành phố Long Khánh;
- Tuyên truyền các đoàn viên thanh niên không để kẻ xấu lợi dụng kích động làm mất ổn định an ninh chính trị - xã hội tại đơn vị.





CHƯƠNG 03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cùng với sự điều hành của Ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên từng bộ phận, phòng ban phối hợp, thực hiện các chỉ tiêu đề ra. Trong năm 2019, hoạt động sản xuất của Công ty đạt được các kết quả sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	TH 2019	%TH/KH
Sản lượng nước sản xuất	1000m ³	4.604	5.214,02	113,25
Sản lượng ghi thu	1000m ³	3.844,30	4.353,72	113,25
Tỷ lệ thất thoát nước	%	16,5	16,5	100,00
Tổng doanh thu	Triệu đồng	38.226,9	45.153,1	118,12
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.000	11.759,8	130,66
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.200	10.386,6	144,26
Tỷ lệ chia cổ tức	%	15	-	-

Các chính sách đề ra trong năm 2019 chủ yếu tập trung vào hoạt động cốt lõi của Công ty là hoạt động cung cấp nước sạch. Cụ thể, nhằm tăng sản lượng cung cấp nước và hạn chế thất thoát nước, Công ty tiến hành mở rộng, phát triển và cải tạo mới các tuyến đường ống tại khu dân cư khu vực nội thành phố Long Khánh, khu công nghiệp Long Khánh và khu công nghiệp Suối Tre; kiểm tra và thay thế các đồng hồ cũ và đồng hồ chạy không chính xác; lắp đặt van điều áp, ... Với các biện pháp trên, sản lượng nước sản xuất đạt 5,2 triệu m³ và sản lượng ghi thu là 4,3 triệu m³, tỷ lệ thất thoát nước của Công ty giảm còn 16,5%. Tổng kết năm 2019, tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt là 45,1 tỷ đồng và 11,7 tỷ đồng, tương đương tăng 18,12% và 44,26% so với năm 2018.



Tài sản

Chỉ tiêu	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	16.750,3	35,21	25.679,1	46,80
Tài sản dài hạn	30.820,3	64,79	29.189,7	53,20
Tổng tài sản	47.570,6	100,00	54.868,8	100,00

Cơ cấu tài sản



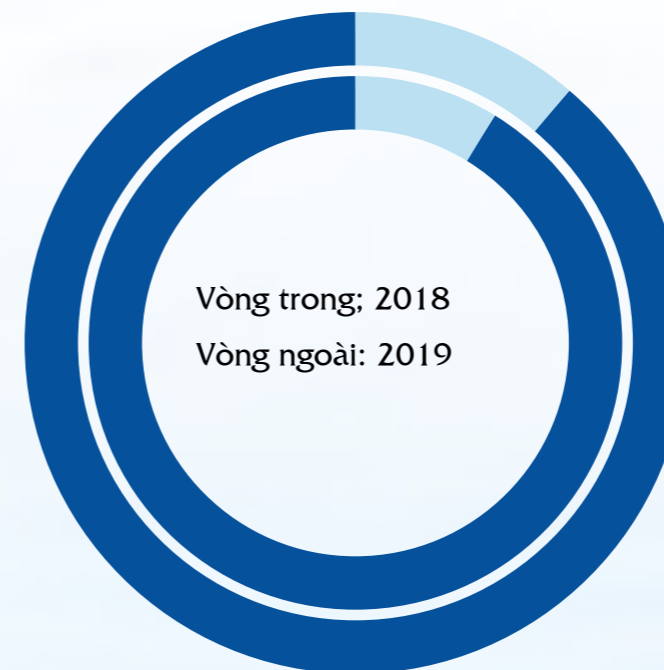
- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn

Năm 2019, tổng tài sản tăng do tài sản ngắn hạn tăng 53,3% so với năm trước. Nguyên nhân chính là do đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 16.500 triệu đồng và tiền tăng 2.637 triệu đồng. Đây là đặc thù của ngành cung cấp nước trong việc thu tiền mặt hoặc chuyển khoản định kỳ hàng tháng.

Nguồn vốn

Chỉ tiêu	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	4.455,0	9,37	6.280,0	11,45
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	43.115,6	90,63	48.588,8	88,55
Tổng nguồn vốn	47.570,6	100,00	54.868,8	100,00

Cơ cấu nguồn vốn



- Nợ ngắn hạn
- Vốn chủ sở hữu

Tổng nguồn vốn tăng do nợ ngắn hạn tăng 1.825 triệu đồng và vốn chủ sở hữu tăng 5.473 triệu đồng. Nguyên nhân chính là do ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 của Công ty làm tăng vốn chủ sở hữu. Bên cạnh đó, kết quả hoạt động kinh doanh vượt kế hoạch đề ra đã làm tăng thu nhập của người lao động, dẫn đến phải trả người lao động tăng, nợ phải trả tăng. Như vậy, Công ty đã sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và nguồn tài chính hiện có để đạt mục tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm công ty không có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý



Chỉ tiêu cho năm 2020

Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển ổn định, hội nhập gia tăng, Ban lãnh đạo đề ra các chỉ tiêu cho năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
I Sản xuất nước			
1	Sản lượng nước sản xuất	m3	5.330.000
2	Sản lượng ghi thu	m3	4.477.000
3	Tỷ lệ thất thoát	%	16
II Tổng doanh thu		Đồng	39.430.000.000
1	Doanh thu từ cung cấp nước sạch	Đồng	38.510.000.000
2	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ lắp đặt	Đồng	-
3	Doanh thu từ nguồn khác	Đồng	920.000.000
III Lợi nhuận trước thuế		Đồng	11.189.000.000
IV Lợi nhuận sau thuế		Đồng	10.002.500.000
V Các khoản nộp Ngân sách		Đồng	8.000.000.000
VI Tỷ lệ chia cổ tức		%	15
VII Đầu tư XDCB		Đồng	4.000.000.000
VIII Thu nhập bình quân người/tháng		Đồng	11.800.000

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020

STT	Tên công trình
1	Đầu tư cải tạo thay thế các tuyến ống cũ đã sử dụng lâu năm TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
2	Phát triển mới tuyến ống cấp nước đường Hoàng Văn Thụ, đường Châu Văn Liêm, đường Ngô Gia Tự, đường Hà Huy Giáp, đường Lý Tự Trọng, đường Ngô Quyền phường Xuân Thanh, đường Hàm Nghi đến UBND xã Bảo Quang
3	Đầu tư hệ thống biến tần điện cho các trạm bơm thay thế dần các hệ thống tủ điện điều khiển cũ
4	Hoàn thành đưa vào sử dụng công trình Giếng khoan tại khu dân cư Khu phố Núi Tung, phường Suối Tre với lưu lượng 800 m3/ngày đêm





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Đánh giá đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, nguyên liệu chính và sản phẩm đều liên quan đến tài nguyên nước. Do đó, ngoài việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước, Công ty còn phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm, hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty cũng thường xuyên tuyên truyền, tổ chức các buổi hội thảo nhằm nâng cao kiến thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng công tác sử dụng tiết kiệm năng lượng, vừa góp phần tiết kiệm tài nguyên quốc gia vừa giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp cho công ty.

Đánh giá về vấn đề lao động

Công ty luôn đề cao tầm quan trọng của các chính sách đào tạo và phúc lợi cho người lao động. Bên cạnh việc tăng lương theo mức tối thiểu vùng, công ty còn có các chính sách như khám bệnh định kỳ, thăm thân nhân đau ốm. Để đảm bảo an toàn lao động, công ty đã tăng cường kiểm tra các thiết bị đường dây điện tại các trạm bơm và văn phòng, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động đầu năm 2019 cho công nhân sản xuất, dụng cụ PCCC và lập các rào chắn, bảng hiệu khi thi công. Thành lập ban an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên kiểm tra, vận động công nhân viên chấp hành tốt công tác an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

Đánh giá trách nhiệm của công ty đối với cộng đồng địa phương

Công ty tích cực hưởng ứng các phong trào do Tổng công ty và địa phương tổ chức như thăm hỏi động viên, tặng quà cho 01 Bà mẹ liệt sỹ; tham gia hoạt động hưởng ứng “Giờ Trái Đất 2019”; ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ đền ơn đáp nghĩa...



CHƯƠNG 04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc công ty



ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Nhìn chung năm 2019, các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra đều hoàn thành và vượt kế hoạch. Tổng doanh thu đạt 118,12% kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế đạt 130,66% kế hoạch. Đối với từng hoạt động kinh doanh của Công ty cũng đạt được một số thành tựu đáng khích lệ sau:

Về sản xuất nước sản xuất:

Trong năm 2019 tình hình sản xuất nước ổn định, nhu cầu sử dụng nước tăng cao nhất là trong dịp trước tết Nguyên đán và cao điểm mùa khô nhưng Công ty vẫn đảm bảo cung cấp nước đầy đủ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp. Chính sách giảm tỷ lệ thất thoát nước và tiết kiệm chi phí được thực hiện triệt để. Về chỉ tiêu sản xuất nước Công ty đáp ứng sản lượng nước cung cấp cho khách hàng, sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu, lợi nhuận tăng so với kế hoạch. Cụ thể, sản lượng nước ghi thu đạt 113,25%, doanh thu cung cấp nước đạt 116,03%, lợi nhuận cung cấp nước đạt 123,13% so với kế hoạch đề ra.

Về hoạt động xây lắp

Hoàn thành và bàn giao các công trình thi công tại thành phố Biên Hòa do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai làm Chủ đầu tư; các công trình tại huyện Nhơn Trạch do Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch làm Chủ Đầu tư và công trình tại Khu công nghiệp Long Khánh do Công ty cổ phần Khu công nghiệp Long Khánh làm chủ đầu tư. Đúng tiến độ và thời gian như hợp đồng ký kết.

Ngoài ra, Công ty đã hoàn thành lắp đặt đồng hồ tại khu công nghiệp Long Khánh và Khu công nghiệp Suối Tre. Đồng thời, Công ty đã hoàn tất công tác chuẩn bị cho Nhà thầu thi công khoan thăm dò kết hợp khai thác giếng khoan công suất 800m3/ngày đêm tại Khu phố Núi Tung, phường Suối Tre.

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	Tăng/giảm	
				Số tiền	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	38.687,1	44.247,9	5.560,8	14,37
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	18.020,4	21.598,2	3.577,8	19,85
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	20.666,7	22.649,8	1.983,0	9,60
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.729,5	11.759,8	3.030,3	34,71
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.950,6	10.386,7	3.436,1	49,44
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.363	3.378	1.015	42,95



ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐVT	2019		%TH/KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
Sản lượng nước sản xuất	1000 m3	4.604	5.214,02	113,25
Sản lượng ghi thu	1000 m3	3.844,3	4.353,72	113,25
Tỷ lệ thất thoát nước	%	16,5	16,5	100,00
Tổng doanh thu	Tr.đồng	38.226,9	45.153,1	118,12
Tổng chi phí	Tr.đồng	29.226,9	33.393,3	114,26
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	9.000	11.759,8	130,66
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	7.200	10.386,6	144,26

Để hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên phải nỗ lực, cố gắng phối hợp cùng nhau. Cụ thể, Ban lãnh đạo trao đổi, phối hợp, đưa ra chính sách, biện pháp phù hợp kịp thời với tình hình thực tế nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo còn tăng cường công tác xây dựng, củng cố đoàn kết nội bộ, thực hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa”, trên tinh thần giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ được giao.





ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
I	Sản xuất nước		
1	Sản lượng nước sản xuất	m3	5.330.000
2	Sản lượng ghi thu	m3	4.477.000
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	16
II	Tổng doanh thu	Đồng	39.430.000.000
1	Tổng chi phí	Đồng	28.241.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	11.189.000.000

Giải pháp

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng bố trí hợp lý nguồn vốn, nhân lực, thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, chi phí đầu tư xây dựng;
- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, khai thác tối ưu công suất máy móc hiện có, đảm bảo cung cấp nước an toàn cho sản xuất, sinh hoạt của khu dân cư và Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh;
- Tiếp tục khảo sát, lập phương án phát triển nguồn cung cấp nước đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt cho khách hàng trong thời gian tới.
- Tích cực tìm kiếm tham gia đấu thầu công tác thi công xây lắp và chỉ định thầu xây lắp công trình cấp nước để tăng doanh thu;
- Tiếp tục khảo sát, khoanh vùng, tách mạng tuyến ống cấp nước các tuyến đường, các phường nội ô thành phố Long Khánh, xác định tỷ lệ nước thất thoát từng khu vực, từng phường, từng khu dân cư để lập kế hoạch thực hiện cải tạo, thay mới phù hợp, giảm tỷ lệ nước thất thoát; Trang bị thêm máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ... phục vụ cho công tác giảm tỷ thất thoát nước.
- Khai thác hiệu quả nguồn nước hiện có, tăng cường công tác kiểm tra giám sát chất lượng nước sản xuất, cung cấp đạt tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định; Quản lý vận hành tốt các trạm bơm cấp nước: duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào; điều hòa áp lực giữa các trạm bơm khi đưa nước ra mạng lưới, tiết kiệm tối đa điện năng và hóa chất tiêu hao.
- Thực hiện ghi đúng thu đủ, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát chặt chẽ công tác ghi thu tiền nước và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty; Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân; Tiếp tục phát triển hoàn thiện các kênh nhờ thu đa dạng, để khách hàng thuận tiện cho việc thanh toán tiền nước.
- Phối hợp với chính quyền địa phương thỏa thuận vị trí các tuyến ống cấp nước phù hợp, đảm bảo tính khả thi, tính hiệu quả của việc đầu tư phát triển hệ thống cấp nước khi xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa và phát triển khách hàng; Tuyên truyền vận động người dân sử dụng nước sạch cho ăn uống sinh hoạt.
- Duy trì tổ kiểm tra khách hàng đột xuất khi cần thiết, đo đồng hồ khách hàng và thay thế những đồng hồ chạy không chính xác hoặc đồng hồ cũ trên 10 năm; Thay thế dần các đồng hồ cơ bằng đồng hồ điện từ cho các khách hàng lớn.
- Phối hợp chặt chẽ với Công an thành phố Long Khánh, Công an các phường xã trên địa bàn thành phố, bảo vệ các Khu công nghiệp, bảo vệ an ninh trật tự, an ninh an toàn nguồn nước, đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm quản lý mạng lưới cấp nước, nhất là đối với công tác trực 24/24 giờ, đảm bảo phát hiện và sửa chữa nhanh chóng kịp thời các sự cố ống bể.





CHƯƠNG 05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát



Thông tin về HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham gia dự họp	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	07	100%	
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	07	100%	
3	Nguyễn Quang Minh	Thành viên	07	100%	
4	Đào Quý Tính	Thành viên	07	100%	
5	Huỳnh Trường An	Thành viên	06	85,71%	bệnh

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, kiểm tra các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã giao cho Ban Giám đốc. Cụ thể như sau:

- Chỉ đạo, đánh giá kết quả SXKD và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, quý. Đôn đốc và giám sát ban điều hành công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.
- Kiểm tra, theo dõi việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công ty đã thực hiện theo đúng quy định.
- Phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty, dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của công ty, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	31/01/2019	Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 và Phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2019.
2	02/NQ-HĐQT	05/03/2019	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
3	03/NQ-HĐQT	12/04/2019	Thông qua Quý tiền lương của người lao động, người quản lý công ty năm 2018 và kế hoạch quý tiền lương của người lao động và người quản lý năm 2019.
4	04/NQ-HĐQT	16/04/2019	Về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
5	01/QĐ-HĐQT-LKW	16/04/2019	Thành lập Ban thẩm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Cấp nước Long Khánh
6	05/NQ-HĐQT	13/05/2019	Thông qua tình hình SXKD quý I/2019 và kế hoạch SXKD quý II năm 2019
7	06/NQ-HĐQT	17/05/2019	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2018 và lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2019.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị



Thông tin về Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	2	100%	
2	Nguyễn Quang Minh	Thành viên	2	100%	
3	Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên	2	100%	

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm vừa qua, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình, tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định đã được cụ thể hóa tại Quy chế Công ty. Cụ thể:

- Định kỳ tổ chức các cuộc họp nhằm triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của công ty. Việc tổ chức các cuộc họp định kỳ sẽ giúp cho Ban kiểm soát nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty và để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất.
- Ban kiểm soát luôn thực hiện nghiêm túc chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc hoạt động hiệu quả, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Ban kiểm soát cử người tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để giám sát phối hợp. Trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm công ty hoạt động theo đúng nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên 2019 đề ra, phù hợp với mục tiêu của Công ty và các chính sách, chế độ quy định của nhà nước.
- Kiểm soát tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tính đúng đắn của báo cáo tài chính.

Các văn bản của Ban Kiểm soát

STT	Số công văn	Ngày	Nội dung
1	01/BKS	18/01/2019	Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP cấp nước Long Khánh năm 2018.
2	06/BKS	19/07/2019	Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP cấp nước Long Khánh trong 06 tháng đầu năm 2019.

Giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thu nhập khác	Thù lao	Vay của công ty
1	Hội đồng quản trị		1.887.541.600	87.610.000	8.000.000	364.000.000	54.500.000
	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	657.440.000	20.000.000	2.000.000	-	-
	Nguyễn Quang Minh	Thành viên	554.439.800	20.000.000	2.000.000	91.000.000	-
	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	461.899.800	15.000.000	2.000.000	91.000.000	34.500.000
	Đào Quý Tính	Thành viên	-	15.000.000	-	91.000.000	-
	Huỳnh Trường An	Thành viên	213.762.000	17.610.000	2.000.000	91.000.000	20.000.000
2	Ban kiểm soát		314.246.000	26.610.000	4.000.000	104.000.000	-
	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	197.060.000	10.000.000	2.000.000	-	-
	Nguyễn Quang Minh	Thành viên	-	7.000.000	-	52.000.000	-
	Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên	117.186.000	9.610.000	2.000.000	52.000.000	-
3	Ban điều hành		810.581.454	23.330.000	4.000.000	-	-
	Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc	391.313.454	8.330.000	2.000.000	-	-
	Lê Văn Anh	Kế toán trưởng	419.268.000	15.000.000	2.000.000	-	-
4	Thư ký		196.518.000	9.610.000	2.000.000	52.000.000	-
	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thư ký HĐQT	196.518.000	9.610.000	2.000.000	52.000.000	-



CHƯƠNG 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MST: 3600979223

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Ông Huỳnh Trường An	Thành viên
Ông Đào Quý Tính	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên
Bà Đoàn Thị Vi Văn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2020

Số: 20.113/BCKT-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 02 năm 2020 từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

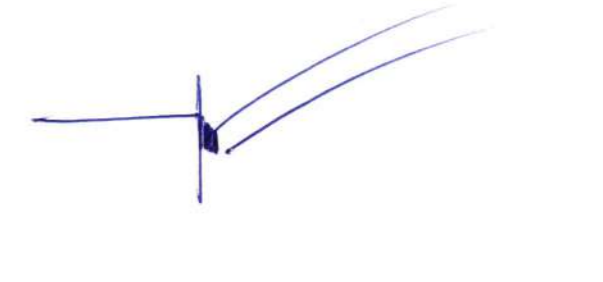
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2020



Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2016-026-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.679.061.815	16.750.283.718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.907.894.920	13.835.635.564
1. Tiền	111		5.907.894.920	3.270.032.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.565.602.887
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	16.500.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.431.184.588	1.537.470.537
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	1.007.999.218	1.068.439.378
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		58.700.000	213.559.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		364.485.370	255.472.159
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	1.571.016.961	1.377.177.617
1. Hàng tồn kho	141		1.571.016.961	1.377.177.617
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		268.965.346	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	268.965.346	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.189.737.281	30.820.306.240
I. Tài sản cố định	220		26.858.749.948	27.774.491.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	26.630.916.631	27.514.657.942
Nguyên giá	222		50.819.688.757	49.407.609.252
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.188.772.126)	(21.892.951.310)
2. Tài sản cố định vô hình	227		227.833.317	259.833.321
Nguyên giá	228		320.000.000	320.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.166.683)	(60.166.679)
II. Bất động sản đầu tư	230	4.6	974.336.909	1.025.127.329
1. Nguyên giá	231		1.269.760.507	1.269.760.507
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(295.423.598)	(244.633.178)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		216.769.046	196.659.742
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		216.769.046	196.659.742
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.139.881.378	1.824.027.906
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.139.881.378	1.824.027.906
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		54.868.799.096	47.570.589.958

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.280.029.412	4.455.037.606
I. Nợ ngắn hạn	310		6.280.029.412	4.455.037.606
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	451.450.489	837.175.450
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	5.917.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	1.167.763.349	529.629.691
4. Phải trả người lao động	314		3.389.431.412	2.098.965.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		174.772.855	94.056.755
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	280.676.376	250.939.186
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.11.6	815.934.931	638.353.879
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.588.769.684	43.115.552.352
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11	48.262.542.005	42.924.071.008
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.573.218.952	10.183.101.549
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.603.858.381	7.655.504.787
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.217.133.332	704.917.773
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.386.725.049	6.950.587.014
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		326.227.679	191.481.344
1. Nguồn kinh phí	431		326.227.679	191.481.344
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		54.868.799.096	47.570.589.958



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2020

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	44.251.565.639	38.700.368.330
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.649.543	13.233.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.247.916.096	38.687.134.694
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	21.598.153.158	18.020.401.165
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.649.762.938	20.666.733.529
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	752.125.011	469.842.258
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	3.922.466.395	3.990.685.905
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	7.745.291.208	8.476.617.317
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.734.130.346	8.669.272.565
10. Thu nhập khác	31		153.048.676	61.540.518
11. Chi phí khác	32		127.419.319	1.329.316
12. Lợi nhuận khác	40		25.629.357	60.211.202
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.759.759.703	8.729.483.767
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.373.034.654	1.778.896.753
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.386.725.049	6.950.587.014
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.11.4	3.378	2.363
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.11.5	3.378	2.363

Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2020

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.759.759.703	8.729.483.767
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	2.378.611.240	2.298.297.208
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(752.125.011)	(469.842.258)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		13.386.245.932	10.557.938.717
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		106.285.949	3.993.197.878
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(193.839.344)	1.083.577.982
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.395.176.247	(4.295.341.168)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		684.146.528	(898.561.117)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(1.870.896.753)	(2.164.279.443)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		268.746.335	218.321.797
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(814.593.140)	(891.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.961.271.754	7.603.204.646
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.432.188.809)	(3.627.746.182)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(16.500.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		752.125.011	469.842.258
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.180.063.798)	(3.157.903.924)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.708.948.600)	(3.741.592.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.708.948.600)	(3.741.592.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(7.927.740.644)	703.708.222
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.835.635.564	13.131.927.342
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	5.907.894.920	13.835.635.564

Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2020

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là XI Nghiệp Nước Long Khánh. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển XI nghiệp Nước Long Khánh thành Công ty Cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 06 năm 2019.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Quyết định số 71/2011/GCNCP-VSD ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Việt Nam. Ngày 04 tháng 07 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Việt Nam	12.750.000.000	51	12.750.000.000	51
Cổ đông khác	Việt Nam	12.250.000.000	49	12.250.000.000	49
Cộng		25.000.000.000	100	25.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 66 (31/12/2018: 69).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước. Tư vấn đấu thầu; Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc (Không sản xuất tại trụ sở).
- Lắp đặt hệ thống, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi; Thoát nước và xử lý nước thải: Xử lý nước thải (Không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 – 30 năm
- Máy móc thiết bị 8 – 15 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 10 – 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 8 năm
- Khác 10 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhà cửa, vật kiến trúc là 25 năm.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa, cải tạo được phân bổ dần trong 03 năm;
- Chi phí khác được phân bổ dần từ 03 đến 05 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí vật liệu bao bì, chi phí nhân viên...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động cung cấp nước sạch.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động cung cấp nước: 5%
- Hoạt động xây lắp: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	23.176.002	34.242.587
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.884.718.918	3.235.790.090
Các khoản tương đương tiền	-	10.565.602.887
Cộng	5.907.894.920	13.835.635.564

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,8% đến 6,7%/năm, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	2.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.000.000.000	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	4.000.000.000	-
Cộng	16.500.000.000	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	666.480.982	491.658.917
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Du lịch Giang Điền	-	100.000.000
Các khách hàng khác	341.518.236	476.780.461
Cộng	1.007.999.218	1.068.439.378

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.068.538.194	-	956.030.855	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	502.478.767	-	421.146.762	-
Cộng	1.571.016.961	-	1.377.177.617	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	13.218.524.142	4.052.025.240	31.555.862.652	415.197.218	166.000.000	49.407.609.252
Mua trong năm	7.272.728	519.863.000	-	-	-	527.135.728
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	884.943.777	-	-	884.943.777
Tại ngày 31/12/2019	13.225.796.870	4.571.888.240	32.440.806.429	415.197.218	166.000.000	50.819.688.757
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	5.825.897.883	2.717.897.734	12.935.227.115	285.278.590	128.649.988	21.892.951.310
Khấu hao trong năm	761.503.211	271.863.986	1.217.665.899	28.187.724	16.599.996	2.295.820.816
Tại ngày 31/12/2019	6.587.401.094	2.989.761.720	14.152.893.014	313.466.314	145.249.984	24.188.772.126
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	7.392.626.259	1.334.127.506	18.620.635.537	129.918.628	37.350.012	27.514.657.942
Tại ngày 31/12/2019	6.638.395.776	1.582.126.520	18.287.913.415	101.730.904	20.750.016	26.630.916.631

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.594.553.349 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Nguyên giá:				
Cơ sở hạ tầng	1.269.760.507	-	-	1.269.760.507
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Cơ sở hạ tầng	295.423.598	50.790.420	-	244.633.178
Giá trị còn lại:				
Cơ sở hạ tầng	974.336.909			1.025.127.329

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	460.552.249	792.808.544
Chi phí sửa chữa, cải tạo	84.057.296	311.039.639
Các khoản khác	595.271.833	720.179.723
Cộng	1.139.881.378	1.824.027.906

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	128.221.284	128.221.284	539.721.626	539.721.626
Phải trả cho người bán				
Ông Lê Đức Thuận	255.907.965	255.907.965	233.782.254	233.782.254
Phải trả cho các đối tượng khác	67.321.240	67.321.240	63.671.570	63.671.570
Cộng	451.450.489	451.450.489	837.175.450	837.175.450

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	689.833.099	1.536.093.542	892.565.057	-	46.304.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp	268.965.346	-	1.373.034.654	1.870.896.753	-	228.896.753
Thuế thu nhập cá nhân	-	110.922.149	325.960.990	232.881.026	-	17.842.185
Thuế tài nguyên	-	184.097.524	2.270.363.074	2.125.073.071	-	38.807.521
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	4.970.144	4.970.144	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	182.910.577	2.628.706.369	2.643.574.410	-	197.778.618
Cộng	268.965.346	1.167.763.349	8.142.128.773	7.772.960.461	-	529.629.691

4.10. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Cổ tức phải trả	60.383.900	20.757.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	220.292.476	230.181.686
Cộng	280.676.376	250.939.186

(Xem tiếp trang sau)

19

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Vốn chủ sở hữu

4.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
		Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND	
Tại ngày 01/01/2018	25.000.000.000	85.464.672	8.812.357.619	6.853.719.651	40.751.541.942	
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.950.587.014	6.950.587.014	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.370.743.930	(1.370.743.930)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.028.057.948)	(1.028.057.948)	
Chia cổ tức 2017	-	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)	
Tại ngày 01/01/2019	25.000.000.000	85.464.672	10.183.101.549	7.655.504.787	42.924.071.008	
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.386.725.049	10.386.725.049	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.390.117.403	(1.390.117.403)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.298.254.052)	(1.298.254.052)	
Chia cổ tức 2018	-	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)	
Tại ngày 31/12/2019	25.000.000.000	85.464.672	11.573.218.952	11.603.858.381	48.262.542.005	

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Vốn góp của công ty mẹ	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.250.000.000	12.250.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

4.11.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.11.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	10.386.725.049	6.950.587.014
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.942.317.584)	(1.042.588.052)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.444.407.465	5.907.998.962
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.378	2.363

4.11.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	10.386.725.049	6.950.587.014
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.942.317.584)	(1.042.588.052)
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.444.407.465	5.907.998.962
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.378	2.363

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2019	638.353.879	10.183.101.549
Trích trong năm	1.298.254.052	1.390.117.403
Chi trong năm	(1.120.673.000)	-
Tại ngày 31/12/2019	815.934.931	11.573.218.952

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	37.916.116.200	31.553.343.250
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	6.011.609.439	6.852.625.080
Doanh thu khác	323.840.000	294.400.000
Cộng	44.251.565.639	38.700.368.330

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7

	5.150.336.964	5.235.915.926
--	---------------	---------------

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	16.188.813.510	11.644.086.880
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	5.258.060.624	6.189.551.434
Giá vốn khác	151.279.024	186.762.851
Cộng	21.598.153.158	18.020.401.165

Trong đó, chi phí mua hàng và dịch vụ từ bên liên quan – Xem thêm mục 7

	169.627.195	347.287.020
--	-------------	-------------

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	752.125.011	469.842.258

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.488.521.033	2.276.636.248
Chi phí vật liệu, bao bì	1.094.116.078	1.379.559.323
Chi phí khác	339.829.284	334.490.334
Cộng	3.922.466.395	3.990.685.905

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.863.198.713	4.124.442.906
Chi phí khấu hao	288.325.884	288.325.884
Chi phí khác	1.593.766.611	4.063.848.527
Cộng	7.745.291.208	8.476.617.317

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.725.456.134	7.095.173.883
Chi phí nhân công	16.809.925.062	13.071.133.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.378.611.240	2.298.297.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.295.688.678	2.390.979.649
Chi phí khác bằng tiền	4.179.691.394	4.501.468.813
Cộng	33.389.372.508	29.357.053.366

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	11.759.759.703	8.729.483.767
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	258.567.845	165.000.000
Trừ: Thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	(1.712.018.996)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	10.306.308.552	8.894.483.767
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	10%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.030.630.855	1.778.896.753
Cộng: Thuế TNDN từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	342.403.799	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.373.034.654	1.778.896.753

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác phát sinh không đáng kể. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp | Công ty mẹ sau cùng |
| 2. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 3. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình | Công ty cùng tập đoàn |
| 4. Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch | Công ty cùng tập đoàn |
| 5. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	497.097.120	298.503.486
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	169.383.862	58.509.490
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	134.645.941
Cộng – Xem thêm mục 4.3	666.480.982	491.658.917
	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND

Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.8:

Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	128.221.284	539.721.626
-----------------------------------	-------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	2.053.239.471	2.028.716.066
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	3.079.706.584	1.063.808.899
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	17.390.909	2.143.390.961

Cộng – Xem thêm mục 5.1**5.150.336.964** **5.235.915.926**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	165.425.600	347.287.020
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	4.201.595	-

Cộng – Xem thêm mục 5.2**169.627.195** **347.287.020**

Thủ lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thủ lao và thu nhập	3.185.063.054	2.842.426.746

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	448.856.000	512.205.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2020

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập



Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2020

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Minh